

第58回中日本フェンシング選手権大会

少年男子 予選プール結果

技術委員署名

所 属	氏 名	No.	1	2	3	4	5	6	M	V	V/M	TD	TR	ind	順位
大垣南高校	馬場 俊輔	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	1	25.000	1
和歌山北高校	井神 俊兵	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	1	25.000	2
岐阜各務野高校	大竹 凜	3	V5	V5	*	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000	3
乙訓高校	大野 潤平	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000	4
和歌山北高校	吉田 晃大	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000	5
長野JFC	杉岡 瑞基	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	2	10.000	6
立教新座中学	橋本 祥英	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	7
龍谷大平安	宮川 恒	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	8
大垣南高校	岡田 卓也	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	9
至学館国際高等学校	山口 改	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	5	5.000	10
京都きつず	中谷 亮彦	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	4	5.000	11
向陽高校	山下 光	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	12
羽島北高校	加藤 颯人	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	4	5.000	13
山口県F協会	石村 隆之介	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	14
向陽高校	森 大翔	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	15
山口県F協会	堀部 聖太	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	6	4.167	16
大垣南高校	押谷 一樹	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000	17
大垣南高校	溝口 晴也	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000	18
福井県F協会	川端 優太	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000	19
愛工大名電	井上 誉聡	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000	20
龍谷大平安	飯村 一輝	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	7	3.571	21
乙訓高校	宿院 徳真	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	7	3.571	22
京都C	遠藤 恒樹	3	V5		*	V5	V5	V5	4	4	1.000	20	6	3.333	23
福井県F協会	谷下 尚弥	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333	24
愛工大名電	加賀 匠馬	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333	25
乙訓高校	西村 啓佑	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333	26
龍谷大平安	田中 風舞	1	*	V5	V5	V5	V4		4	4	1.000	19	6	3.167	27
愛工大名電	太田 拓輝	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	8	3.125	28
和歌山東高校	太田 航輔	2	V5	*	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	7	2.857	29
山口県F協会	柏原 翔太	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	9	2.222	30
龍谷大平安	吉田 樹生	2	V5	*	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	9	2.222	31
岐阜各務野高校	大竹 諒	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	12	2.083	32
新田高校	隅岡 元氣	2	1	*	V5	V5	V5	V5	5	4	0.800	21	8	2.625	33
富山西高校	金道 竜太	5	2	V5	V5	V5	*	V5	5	4	0.800	22	10	2.200	34
龍谷大平安	安井 康太郎	2	4	*	V5	V5	V5	V5	5	4	0.800	24	13	1.846	35
和歌山東高校	松原 久弥	4	2	V5	V5	*	V5	V5	5	4	0.800	22	14	1.571	36
海星高校	木場 悠斗	6	2	V5	V5	V5	V5	*	5	4	0.800	22	15	1.467	37
大垣南高校	戸谷 一貴	1	*	V5	V5	V5	2		4	3	0.750	17	7	2.429	38
佐賀商業高校	服部 将伍	5	2	V5	V5	V5	*		4	3	0.750	17	7	2.429	39
羽島北高校	飯田 涼吾	1	*	1	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	7	2.286	40
至学館高校	近藤 青洋	3	1	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	16	7	2.286	41
大垣南高校	初伎河原明口	1	*	V5	V5	V5	1		4	3	0.750	16	7	2.286	42
はしまモア	高橋 橙生	3	3	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	18	8	2.250	43
立教新座中学	橋本 雄偉	3	0	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	15	7	2.143	44
立教新座中学	浦部 光	1	*	2	V5	V5	V5		4	3	0.750	17	8	2.125	45
羽島北高校	山田 晃暉	2	V5	*	4	V5	V5		4	3	0.750	19	9	2.111	46
鳥取工業高校	井筒 麟太郎	4	V5	3	V5	*	V5		4	3	0.750	18	9	2.000	47
海星高校	帯山 陸	2	2	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	17	9	1.889	48
佐賀商業高校	服部 健人	2	V5	*	2	V5	V5		4	3	0.750	17	9	1.889	49
富山西高校	田辺 空我	1	*	V5	1	V5	V5		4	3	0.750	16	9	1.778	50
愛工大名電	伊藤 真吾	1	*	V5	V5	V5	1		4	3	0.750	16	9	1.778	51
福井県F協会	戸井 和希	1	*	4	V5	V5	V5		4	3	0.750	19	11	1.727	52
はしまモア	福田 亮介	1	*	V5	V5	2	V5		4	3	0.750	17	10	1.700	53
海星高校	小津 貴慈	4	4	V5	V5	*	V5		4	3	0.750	19	12	1.583	54
山口県F協会	森 多諒	3	3	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	18	12	1.500	55

岐阜各務野高校	白木涼太	4	3	V3	V5	*	V5		4	3	0.750	16	11	1.455	56
大垣南高校	服部翔斗	3	2	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	17	12	1.417	57
はしまろア	奥田玲大	3	4	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	19	14	1.357	58
海星高校	小崎一磨	5	1	V5	V5	V5	*		4	3	0.750	16	12	1.333	59
大分県選抜	小田翔一朗	1	*	1	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	12	1.333	60
伊那北高校	小林聖矢	2	1	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	13	1.231	61
大垣南高校	荒川彰仁	3	0	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	15	13	1.154	62
はしまろア	河村一摩	1	*		1	V5	V5	V5	4	3	0.750	16	14	1.143	63
海星高校	佐藤光琉	2	1	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	15	1.067	64
松山JFC	檜垣純堅	2	3	*	V5	3	V5	V5	5	3	0.600	21	12	1.750	65
龍谷大平安	西村拓	3	3	V5	*	V5	V5	4	5	3	0.600	22	13	1.692	66
箕輪進修高校	中村健人	2	1	*	4	V5	V5	V5	5	3	0.600	20	12	1.667	67
大分県選抜	山田樹生	4	3	V5	V5	*	4	V5	5	3	0.600	22	14	1.571	68
大垣南高校	多賀優心	5	2	3	V5	V5	*	V5	5	3	0.600	20	13	1.538	69
佐賀商業高校	品川聖也	5	0	1	V5	V5	*	V5	5	3	0.600	16	12	1.333	70
大垣南高校	大野瑞輝	6	4	V5	V5	V5	2	*	5	3	0.600	21	16	1.313	71
岐阜各務野高校	後藤悠希	2	1	*	V5	2	V5	V5	5	3	0.600	18	14	1.286	72
至学館高校	小畑英人	4	3	V5	V5	*	4	V5	5	3	0.600	22	18	1.222	73
鳥取工業高校	市川亜武	5	1	V5	1	V5	*	V5	5	3	0.600	17	17	1.000	74
羽島北高校	武藤祐哉	3	0	V5	*	V5	1	V5	5	3	0.600	16	16	1.000	75
静岡翔洋高校	米倉侑哉	5	1	0	V5	V5	*	V5	5	3	0.600	16	18	0.889	76
水橋高校	永原正大	6	4		4	V5	V5	*	4	2	0.500	18	12	1.500	77
箕輪進修高校	三浦優斗	5	2	V5	3	V5	*		4	2	0.500	15	10	1.500	78
和北Jr	菊元雪	3	3	V5	*	3	V5		4	2	0.500	16	11	1.455	79
岐阜各務野高校	鍵谷和希	4	2	4	V5	*	V5		4	2	0.500	16	11	1.455	80
玉川高校	片山将太	5	V5	4	V5	4	*		4	2	0.500	18	14	1.286	81
岐阜各務野高校	鹿島淳平	2	2	*	V5	3	V5		4	2	0.500	15	12	1.250	82
愛工大名電	弓長昇主	4	2	V5	3	*	V5		4	2	0.500	15	12	1.250	83
水橋高校	加藤巨樹	3	2	4	*	V5	V5		4	2	0.500	16	13	1.231	84
鳴海高校	坂上直弥	2	0	*	V5	2	V5		4	2	0.500	12	10	1.200	85
龍谷大平安	丹羽健人	5	1	3	V5	V5	*		4	2	0.500	14	13	1.077	86
富山西高校	佐野航琉	2	1	*	V5	V5	4		4	2	0.500	15	14	1.071	87
愛工大名電	杉浦敬祐	4	2	V5	V5	*	4		4	2	0.500	16	15	1.067	88
岐阜各務野高校	前田航希	3	2	V5	*	4	V5		4	2	0.500	16	16	1.000	89
玉川高校	坪田玲弥	4	1	V5	3	*	V5		4	2	0.500	14	14	1.000	90
福井県F協会	小林達明	1	*	V5	3	V5	1		4	2	0.500	14	14	1.000	91
大垣南高校	小坂井翼	4	3	3	V5	*	V5		4	2	0.500	16	17	0.941	92
津東高校	齋藤健太	3	0	V5	*	V5	4		4	2	0.500	14	15	0.933	93
鳥羽FC	江崎蒼一朗	4	2	V4	2	*	V5		4	2	0.500	13	14	0.929	94
南箕輪わくわくC	保科幸作	5	0	3	V5	V5	*		4	2	0.500	13	14	0.929	95
IwataFencingClub	花木口ブ	3	0	2	*	V5	V5		4	2	0.500	12	13	0.923	96
箕島高校	山本裕暉	3	0	V5	*	V5	2		4	2	0.500	12	13	0.923	97
愛工大名電	大平遼羽	4	0	V5	V5	*	4		4	2	0.500	14	16	0.875	98
はしまろア	光田陽翔	2	1	*	2	V5	V5		4	2	0.500	13	15	0.867	99
龍谷大平安	小西慧	5	1	V5	1	V5	*		4	2	0.500	12	14	0.857	100
鳥羽高校	里中優夢	3	0	V5	*	V5	0		4	2	0.500	10	12	0.833	101
豊田大谷高校	岩本青龍	4	1	V5	V5	*	1		4	2	0.500	12	15	0.800	102
岐阜各務野高校	山口碧	4	1	V5	V5	*	0		4	2	0.500	11	14	0.786	103
静岡翔洋高校	高橋拳一	3	0	V5	*	1	V5		4	2	0.500	11	14	0.786	104
鳴海高校	高見祐貴	2	0	*	V5	V4	1		4	2	0.500	10	13	0.769	105
大垣南高校	宮坂遼	5	0	3	V5	V5	*		4	2	0.500	13	18	0.722	106
静岡翔洋高校	澤田隼豊	2	0	*	0	V5	V5		4	2	0.500	10	14	0.714	107
愛工大名電	堀智貴	4	0	V5	1	*	V5		4	2	0.500	11	16	0.688	108
海星高校	今村駿佑	5	2	V5	0	V5	*		4	2	0.500	12	18	0.667	109
和歌山北高校	鎌田雄成	3	0	V5	*	V5	0		4	2	0.500	10	18	0.556	110
海星高校	浦西大智	3	4	V5	*	1	V5	4	5	2	0.400	19	20	0.950	111
和歌山北高校	小泉寛真	2	1	*	V5	V5	1	3	5	2	0.400	15	18	0.833	112
鳥羽FC	木下太陽	3	1	1	*	2	V5	V5	5	2	0.400	14	18	0.778	113
長野JFC	太田智也	3	0	1	*	4	V5	V5	5	2	0.400	15	20	0.750	114
海星高校	萩村拓郎	4	0	3	V5	*	1	V5	5	2	0.400	14	19	0.737	115
愛知商業高校	山田紘暉	4	0	2	V5	*	V5	2	5	2	0.400	14	21	0.667	116
岐阜各務野高校	横山勇太	2	1	*	0	V5	V5	2	5	2	0.400	13	20	0.650	117

箕島高校	中林大知	6	0	V5	V5	2	2	*	5	2	0.400	14	23	0.609	118
大垣南高校	山本大貴	6	0	0	2	V3	V5	*	5	2	0.400	10	18	0.556	119
和歌山東高校	金森冬馬	4	3	3	V5	*	3		4	1	0.250	14	15	0.933	120
至学館高校	鈴木創偉	3	V5	3	*	3	3		4	1	0.250	14	18	0.778	121
KIRIJR	加藤那琉	5	1	V5	4	2	*		4	1	0.250	12	16	0.750	122
松山城南高校	佐伯新	3	2	V5	*	1	4		4	1	0.250	12	16	0.750	123
岐阜各務野高校	磯野光希	4	2	V5	2	*	2		4	1	0.250	11	15	0.733	124
大垣南高校	黒翔太	4	2	1	V5	*	3		4	1	0.250	11	15	0.733	125
愛知商業高校	坂東啓太	5	3	0	4	V5	*		4	1	0.250	12	17	0.706	126
海星高校	服部峻介	5	3	V5	1	2	*		4	1	0.250	11	16	0.688	127
大垣南高校	片野新之輔	3	1	4	*	3	V5		4	1	0.250	13	19	0.684	128
水橋高校	清水稜介	5	3	3	1	V5	*		4	1	0.250	12	18	0.667	129
長野JFC	登内雄心	4	0	2	3	*	V5		4	1	0.250	10	15	0.667	130
静岡翔洋高校	立石紘大	2	1	*	4	V5	1		4	1	0.250	11	17	0.647	131
富山パレスFC	藤野正真	4	1	2	3	*	V5		4	1	0.250	11	18	0.611	132
静岡翔洋高校	杉山比呂	4	2	V5	3	*	1		4	1	0.250	11	18	0.611	133
大垣南高校	伊藤大智	2	2	*	2	2	V5		4	1	0.250	11	18	0.611	134
海星高校	干場雄大	2	1	*	1	4	V5		4	1	0.250	11	18	0.611	135
羽島北高校	西川祥立	3	1	0	*	3	V5		4	1	0.250	9	15	0.600	136
龍谷大平安	大后秀明	5	1	V5	3	0	*		4	1	0.250	9	15	0.600	137
沼津FC	関谷拓実	3	0	V5	*	3	2		4	1	0.250	10	17	0.588	138
愛工大名電	伊東英汰	3	1	V5	*	3	1		4	1	0.250	10	17	0.588	139
羽島北高校	川添琉斗	5	0	3	V5	3	*		4	1	0.250	11	19	0.579	140
愛知商業高校	蜜澤裕汰	5	3	2	1	V5	*		4	1	0.250	11	19	0.579	141
伊那北高校	田中良樹	5	4	V5	0	0	*		4	1	0.250	9	16	0.563	142
静岡翔洋高校	山本博也	3	0	3	*	1	V5		4	1	0.250	9	16	0.563	143
はしまモア	石橋廉大	4	2	1	V5	*	1		4	1	0.250	9	16	0.563	144
岐阜各務野高校	服部輝史	5	1	1	2	V5	*		4	1	0.250	9	16	0.563	145
揖斐高校	河合晴人	4	2	1	V5	*	2		4	1	0.250	10	18	0.556	146
鳴海高校	松井賢慈	5	4		0	V5	*	1	4	1	0.250	10	19	0.526	147
揖斐高校	多田伊織	4	1	V5	0	*	2		4	1	0.250	8	16	0.500	148
長野JFC	峯健介	2	1	*	0	3	V4		4	1	0.250	8	17	0.471	149
和歌山北高校	展吉源	2	2	*	1	V5	0		4	1	0.250	8	17	0.471	150
愛知商業高校	松下凌真	5	0	1	2	V5	*		4	1	0.250	8	18	0.444	151
揖斐高校	平田一成	5	0	V5	1	2	*		4	1	0.250	8	19	0.421	152
箕島高校	谷紘輔	5	0	1	V5	1	*		4	1	0.250	7	18	0.389	153
鳴海高校	太田圭亮	2	0	*	1	V5	0		4	1	0.250	6	18	0.333	154
富山西高校	笹山実郷	5	2	4	1	V5	*	2	5	1	0.200	14	20	0.700	155
愛知商業高校	丹羽彬	6	0	1	2	3	V5	*	5	1	0.200	11	21	0.524	156
愛工大名電	山口倫生	3	0	0	*	4	1	V5	5	1	0.200	10	20	0.500	157
大垣南高校	津田憲尚	3	0	0	*	3	2	V5	5	1	0.200	10	24	0.417	158
羽島北高校	花村俊哉	4	0	1	V5	*	1	1	5	1	0.200	8	22	0.364	159
京都きつず	高橋佑太	4	0	1	1	*	0	V5	5	1	0.200	7	22	0.318	160
愛工大名電	富田陸	2	4	*	4	1	1	4	5	0	0.000	14	25	0.560	161
大垣南高校	小野凌雅	4	3	2	4	*	1		4	0	0.000	10	20	0.500	162
伊那北高校	安江光一	4	0	1	4	*	4		4	0	0.000	9	20	0.450	163
伊那北高校	熊谷脩士	6	0	2	4	2	2	*	5	0	0.000	10	25	0.400	164
箕輪中学	中村駿太	2	0	*	1	3	4		4	0	0.000	8	20	0.400	165
羽島北高校	大北唯斗	4	2	1	1	*	4		4	0	0.000	8	20	0.400	166
静岡翔洋高校	吉川颯太	2	1	*	3	0	4		4	0	0.000	8	20	0.400	167
滋賀JFC	保知純乃介	4	1		1	*	4	1	4	0	0.000	7	20	0.350	168
鳥羽高校	植木鐘平	4	0	3	4	*	0		4	0	0.000	7	20	0.350	169
水橋高校	兒玉陸都	3	0	1	*	3	3		4	0	0.000	7	20	0.350	170
静岡翔洋高校	伊藤圭佑	5	0	0	3	4	*	1	5	0	0.000	8	25	0.320	171
鳴海高校	篠原和真	2	2	*	2	1	1		4	0	0.000	6	20	0.300	172
岐阜各務野高校	和田遥輝	2	1	*	0	4	1		4	0	0.000	6	20	0.300	173
愛工大名電	永津稜麻	3	0	2	*	2	1	2	5	0	0.000	7	25	0.280	174
玉川高校	沼田陸	5	1	2	1	2	*	1	5	0	0.000	7	25	0.280	175
和歌山東高校	湯川和弘	5	0	3	1	1	*		4	0	0.000	5	19	0.263	176
鳥羽高校	岡村空馬	4	0	1	1	*	3		4	0	0.000	5	20	0.250	177
鳴海高校	本間優貴	2	2	*	0	1	2		4	0	0.000	5	20	0.250	178
佐賀商業高校	佐藤英琉	2	2	*	0	3	0		4	0	0.000	5	20	0.250	179

伊那北高校	鎌倉京平	4	0	1	2	*	0	2	5	0	0.000	5	25	0.200	180
鳴海高校	早川慧俊	6	0	0	1	2	1	*	5	0	0.000	4	25	0.160	181
玉川高校	村瀬大陸	2	0	*	2	1	0		4	0	0.000	3	20	0.150	182
玉川高校	伊藤茂輝	6	0	2	0	0	1	*	5	0	0.000	3	25	0.120	183
鳴海高校	西本零生	5	0	1	1	0	*		4	0	0.000	2	20	0.100	184
愛工大名電	原祥太	5	0	0	0	1	*		4	0	0.000	1	20	0.050	185
至学館高校	仲尾次紅輝	3	0	1	*	0	0		4	0	0.000	1	20	0.050	186
鳴海高校	原友大	3	0	0	*	0	1		4	0	0.000	1	20	0.050	187
玉川高校	中西皓紀	2	0	*	0	0	0		4	0	0.000	0	20	0.000	188
揖斐高校	高橋氷介	2		*											189
															190
															191
															192